



CÔNG TY CP VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN  
PHU NHUAN JEWELRY JOINT STOCK COMPANY

# BÁO CÁO QUYẾT TOÁN PNJ

## QUÝ IV NĂM 2018

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNYdo Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch
Ông Lê Trí Thông	Phó Chủ tịch
Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh	Thành viên
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Xuân Liên	Thành viên
Ông Lê Hữu Hạnh	Thành viên
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên
Ông Robert Alan Willett	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Dư	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Ngọc Huệ	Thành viên
Ông Lê Anh Đức	Thành viên

### BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều Hành trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Trí Thông	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Lại	Giám đốc vận hành kiêm Giám đốc Khối Tài chính-Vận hành
Bà Trần Thị Thu Hà	Giám đốc Khối Bán lẻ
Bà Nguyễn Hoàng Anh	Giám đốc Khối Marketing
Ông Nguyễn Hoàng Châu	Giám đốc Khối Cung ứng
Ông Đào Trung Kiên	Giám đốc Khối Chiến lược
Ông Nguyễn Ngọc Trân	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin
Ông Nguyễn Anh Hùng	Giám đốc Khối Nguồn nhân lực
Ông Dương Quang Hải	Kế toán trưởng

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo là ông Lê Trí Thông.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CUỐI NIÊN ĐỘ  
QUÝ 4 - Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính : VNĐ

	CHỈ TIÊU	MS	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5,119,405,310,357</b>	<b>3,887,420,813,235</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>150,227,254,450</b>	<b>167,814,376,098</b>
1	Tiền	111		150,227,254,450	103,764,376,098
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	64,050,000,000
<b>II</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>160,065,000,000</b>
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	160,065,000,000
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>133,581,413,665</b>	<b>103,698,291,895</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		51,684,182,829	43,171,219,149
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		42,171,662,231	32,814,615,983
6	Phải thu ngắn hạn khác	136		39,438,622,170	27,577,078,743
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		286,946,435	135,378,020
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4,767,199,824,827</b>	<b>3,383,605,076,098</b>
1	Hàng tồn kho	141		4,767,199,824,827	3,383,605,076,098
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>68,396,817,415</b>	<b>72,238,069,144</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		62,020,524,945	67,127,740,474
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	20,455,201
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153		6,376,292,470	5,089,873,469
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,091,967,419,954</b>	<b>687,938,037,414</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>55,045,824,370</b>	<b>41,746,375,257</b>
6	Phải thu dài hạn khác	216		55,045,824,370	41,746,375,257
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>635,701,823,366</b>	<b>484,699,732,543</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221		142,375,118,468	203,204,284,453
-	- Nguyên giá	222		245,706,665,538	391,425,135,871
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(103,331,547,070)	(188,220,851,418)
3	Tài sản cố định vô hình	227		493,326,704,898	281,495,448,090
-	- Nguyên giá	228		499,937,407,873	286,740,907,873
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6,610,702,975)	(5,245,459,783)
<b>IV</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>67,983,789,990</b>	<b>9,665,078,966</b>
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		67,983,789,990	9,665,078,966
<b>V</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>160,000,000,000</b>	<b>20,000,000,000</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251		160,000,000,000	20,000,000,000
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		395,271,613,400	395,271,613,400
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(395,271,613,400)	(395,271,613,400)
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>173,235,982,228</b>	<b>131,826,850,648</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		91,417,920,654	50,333,508,544
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		81,818,061,574	81,493,342,104
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>6,211,372,730,311</b>	<b>4,575,358,850,649</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CUỐI NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 QUÝ 4 - Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

<b>C</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>2,487,466,132,949</b>	<b>1,549,664,382,047</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>2,475,607,110,949</b>	<b>1,495,725,175,047</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	412,755,892,373	279,319,406,605
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	52,773,513,870	37,742,598,354
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	137,177,186,151	116,383,358,330
4	Phải trả người lao động	314	188,482,808,253	97,064,244,559
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10,106,931,424	4,629,017,766
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	41,529,698,782	51,847,439,279
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1,570,482,498,026	857,278,850,200
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	62,298,582,070	51,460,259,954
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>11,859,022,000</b>	<b>53,939,207,000</b>
7	Phải trả dài hạn khác	337	628,026,000	628,026,000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	7,800,000,000	46,234,864,000
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342	3,430,996,000	7,076,317,000
<b>D</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>3,723,906,597,362</b>	<b>3,025,694,468,602</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>3,723,906,597,362</b>	<b>3,025,694,468,602</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	1,670,029,820,000	1,081,020,340,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	925,397,862,458	876,761,282,458
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415	(7,090,000)	(7,090,000)
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	265,087,556,918	220,087,556,918
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	863,398,447,986	847,832,379,226
	- LNST chưa phân phối lũy kế cuối kỳ trước	421a	84,296,154,226	232,490,355,284
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	779,102,293,760	615,342,023,942
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>6,211,372,730,311</b>	<b>4,575,358,850,649</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
- Đô la Mỹ ("\$")	77,195	83,539
- Vàng thỏi (chỉ)	8,900	6,170
- Đô la Úc ("AUD")	460	477
- Đồng Euro ("EUR")	1,726	7,670

  
 Nguyễn Thành Đạt  
 Người lập

  
 Dương Quang Hải  
 Kế toán trưởng



  
 Lê Trí Thông  
 Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2019

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Mẫu B01a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CUỐI NIÊN ĐỘ  
QUÝ 4 NĂM 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Q4/2018	Q4/2017	LŨY KẾ 2018	LŨY KẾ 2017
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>3,419,406,345,668</b>	<b>3,228,388,605,728</b>	<b>13,515,069,659,689</b>	<b>10,991,670,038,524</b>
- Các khoản giảm trừ doanh thu	02		32,112,667,000	25,126,709,897	102,569,985,875	71,699,927,867
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3,387,293,678,668	3,203,261,895,831	13,412,499,673,814	10,919,970,110,657
- Giá vốn hàng bán	11		2,622,100,164,760	2,650,410,650,051	10,760,906,226,309	9,046,042,247,103
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>765,193,513,908</b>	<b>552,851,245,780</b>	<b>2,651,593,447,505</b>	<b>1,873,927,863,554</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		8,471,212,973	6,302,581,664	18,781,028,081	14,778,365,031
Chi phí tài chính	22		21,432,017,799	9,815,868,765	67,120,878,006	57,073,492,581
<i>Trong đó, Chi phí lãi vay</i>	23		21,325,999,919	9,730,755,648	61,984,343,502	55,578,895,516
Chi phí bán hàng	25		327,561,658,767	216,550,336,988	1,118,863,127,610	751,639,529,843
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		102,773,637,105	57,698,262,606	311,505,448,839	182,092,972,237
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>321,897,413,210</b>	<b>275,089,359,085</b>	<b>1,172,885,021,131</b>	<b>897,900,233,924</b>
Thu nhập khác	31		1,859,777,822	902,914,164	4,553,840,272	7,320,918,735
Chi phí khác	32		291,502,237	639,103,372	2,698,883,470	1,375,527,317
Lợi nhuận khác	40		1,568,275,585	263,810,792	1,854,956,802	5,945,391,418
<b>Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>323,465,688,795</b>	<b>275,353,169,877</b>	<b>1,174,739,977,933</b>	<b>903,845,625,342</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		63,836,253,213	54,497,963,758	233,823,788,643	179,918,211,850
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(324,719,470)	484,064,550	(324,719,470)	484,064,550
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>259,954,155,052</b>	<b>220,371,141,569</b>	<b>941,240,908,760</b>	<b>723,443,348,942</b>
Chi phí cơ bản trên cổ phiếu	70		1,557	2,039	5,636	6,692

*lu*



*lu*  
 Dương Quang Hải  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Đạt  
 Người lập  
 Ngày 18 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CUỐI NIÊN ĐỘ  
QUÝ 4 NĂM 2018

STT	CHỈ TIÊU	MS	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1,174,739,977,933</b>	<b>903,845,625,342</b>
<b>2</b>	<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	26,904,666,249	38,754,727,226
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	1,076,120,856	(603,950,650)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18,741,127,926)	(14,815,248,111)
	- Chi phí lãi vay	06	61,984,343,502	55,578,895,516
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>1,245,963,980,614</b>	<b>983,459,191,079</b>
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(44,468,989,884)	(39,355,026,112)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1,383,594,748,729)	(566,858,503,769)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	182,300,244,505	11,995,157,027
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(35,977,196,581)	(46,065,795,404)
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(61,318,958,641)	(55,960,918,599)
	- Thuế TNDN đã nộp	15	(226,999,397,953)	(151,155,667,909)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5,436,905,757)	(33,743,948,190)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(329,531,972,426)</b>	<b>102,314,488,123</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(321,470,154,461)	(114,207,809,666)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1,097,031,411	8,425,973,637
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	160,000,000,000	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(40,000,000,000)	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	6,397,944,588	3,963,934,074
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(193,975,178,462)</b>	<b>(261,817,901,955)</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	97,273,160,000	975,035,852,458
3	Tiền thu từ đi vay	33	4,301,932,910,988	3,104,614,032,965
4	Tiền trả nợ gốc vay	34	(3,628,637,460,012)	(3,717,475,946,742)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(264,697,524,630)	(185,194,405,300)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>505,871,086,346</b>	<b>176,979,533,381</b>
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(17,636,064,542)	17,476,119,549
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>167,814,376,098</b>	<b>150,275,926,525</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	48,942,894	62,330,024
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>150,227,254,450</b>	<b>167,814,376,098</b>

  
Nguyễn Thành Đạt

  
Dương Quang Hải



  
Trần Thị Thông

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004 và các giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh.

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 170E Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4.458 người ( tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.004 người). Người lao động đã chuyển qua công ty con PNJP là 1.370 người.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các công ty con của Công ty bao gồm:

- |   |               |
|---|---------------|
| - Công ty TNHH MTV Thời trang CAO (CAF)                       | - Công ty con |
| - Công ty TNHH MTV Giám định PNJ (PNJL)                       | - Công ty con |
| - Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Khách Hàng (CECL)                | - Công ty con |
| - Công ty TNHH MTV Chế tác và kinh doanh trang sức PNJ (PNJP) | - Công ty con |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 52 chi nhánh với 319 cửa hàng, tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam. Trong đó, một số chi nhánh lớn bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Tây Nguyên
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Biên Hòa

## II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày kết thúc kỳ báo cáo và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ báo cáo. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Điều Hành đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty theo qui định hiện hành.

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều Hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều Hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Tiền và các khoản đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

#### Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách



# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

## **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

## **Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

## **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

## **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

## **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao.

## **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích phục vụ cho việc bán hàng được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng trung tâm thương mại phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

- Chi phí thuê trả trước bao gồm chi phí thuê đất và thuê cửa hàng trả trước nhiều năm theo các hợp đồng thuê hoạt động và được phân bổ theo thời gian thuê;
- Công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trên 1 năm có giá trị lớn; và
- Chi phí khác được phân bổ từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào các chi phí phát sinh trong năm.

## **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## **Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều Hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

## **Thuế**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

- Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## V. CÁC SỰ KIỆN VÀ GIAO DỊCH TRỌNG YẾU

### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Tiền mặt	87,332,446,810	61,156,455,977
Tiền gửi ngân hàng	55,074,940,752	35,281,922,078
Tiền đang chuyển	7,819,866,888	7,325,998,043
Tương đương tiền	-	64,050,000,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150,227,254,450</b>	<b>167,814,376,098</b>

### 2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn	-	<b>160,065,000,000</b>
Ngân hàng An Bình		65,000,000
Ngân hàng Phương Đông	-	40,000,000,000
Ngân hàng Bản Việt	-	80,000,000,000
Ngân hàng Đông Nam Á	-	40,000,000,000
<b>CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>160,065,000,000</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>160,000,000,000</b>	<b>20,000,000,000</b>
Công ty Thời Trang CAO	30,000,000,000	10,000,000,000
Công ty Giám Định PNJ	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty Kỹ Nguyễn Khách Hàng	20,000,000,000	-
Công ty PNJP	100,000,000,000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		
Ngân hàng TMCP Đông Á (EAB)	395,271,613,400	395,271,613,400
Dự phòng giảm giá đầu tư (EAB) (*)	(395,271,613,400)	(395,271,613,400)
<b>CỘNG</b>	<b>160,000,000,000</b>	<b>20,000,000,000</b>

Công ty TNHH Một Thành Viên Thời Trang CAO (CAF) được PNJ đầu tư 100% vốn, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309279212 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp ngày 14 tháng 08 năm 2009. CAF có trụ sở chính tại số 170E Phan Đăng Lưu, phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM. Ngành nghề kinh doanh là Bán lẻ trang sức vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức.

Công ty TNHH Một Thành Viên Giám Định PNJ (PNJL) được PNJ đầu tư 100% vốn, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310521330 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp ngày 16 tháng 12 năm 2010. PNJL có trụ sở chính tại số 168A Phan Đăng Lưu, phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM. Ngành nghề kinh doanh là dịch vụ giám định kim cương, vàng, hợp kim vàng, kim loại quý, kim loại màu, đá quý, đá bán quý và các khoáng vật; các loại đá

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty TNHH Một Thành Viên Chế tác và kinh doanh trang sức PNJ (PNJP) được PNJ đầu tư 100% vốn, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0315018466 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp ngày 28 tháng 04 năm 2018. PNJP có trụ sở chính tại số 23 đường 14, phường 5, Quận Gò Vấp, TP.HCM.

Công ty TNHH Một Thành Viên Kỹ Nguyên Khách Hàng (CECL) được PNJ đầu tư 100% vốn, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0315018547 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp ngày 28 tháng 04 năm 2018. CECL có trụ sở chính tại số 170E Phan Đăng Lưu, phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM.

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng TMCP Đông Á vẫn trong diện kiểm soát đặc biệt của Ngân hàng Nhà Nước và cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.

## 3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
FH Trautz GmBh	-	6,579,765,533
Công ty DC&D	-	3,934,729,248
Phải thu Công ty CAO	5,652,125,793	3,721,391,377
Phải thu Công ty PNJP	-	-
AEON Tân Phú	2,974,350,770	1,334,997,959
AEON Bình Tân	2,616,293,246	2,025,291,958
AEON Bình Dương	2,235,409,000	2,106,157,280
Diamond Lê Duẩn	2,646,242,511	-
Crescent Mall Q7	3,856,285,842	-
Phải thu khách hàng khác	31,703,475,667	23,468,885,794
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51,684,182,829</b>	<b>43,171,219,149</b>

## 4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng nhân viên	728,929,687	764,280,291
Phải thu Công ty CAO	-	16,759,580,292
Phải thu Công ty CECL	6,140,000,000	-
Phải thu khác	32,569,692,483	10,053,218,160
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39,438,622,170</b>	<b>27,577,078,743</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký quỹ dài hạn thuê mặt bằng	55,045,824,370	41,746,375,257
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55,045,824,370</b>	<b>41,746,375,257</b>

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## 5. HÀNG TỒN KHO

	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>
Hàng mua đang đi trên đường	121,835,837,448	74,485,287,071
Nguyên vật liệu	58,338,102,385	195,479,212,962
Công cụ, dụng cụ	22,774,331,939	37,395,279,155
Chi phí sản xuất dở dang	999,333,993,178	241,475,582,475
Thành phẩm	395,779,862,102	336,815,539,305
Hàng hóa	3,081,836,982,267	2,446,952,563,390
Hàng gửi đi bán	87,300,715,508	51,001,611,740
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4,767,199,824,827</b>	<b>3,383,605,076,098</b>

Hàng tồn kho trị giá 965.916.000.000 *đồng* được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 10*).

## 6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC:

### NGẮN HẠN

	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>
Chi phí CCDC phân bổ	32,725,295,865	45,887,075,745
Chi phí thuê nhà	16,376,783,517	10,582,202,902
Chi phí đồng phục	6,118,768,634	3,021,579,248
Chi phí sửa chữa, bảo trì	3,097,620,758	3,854,695,805
Chi phí khác	3,702,056,171	3,782,186,774
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>62,020,524,945</b>	<b>67,127,740,474</b>

### DÀI HẠN

	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>
Chi phí CCDC phân bổ	47,268,008,367	23,339,302,147
Chi phí thuê nhà	2,772,280,000	1,213,200,000
Chi phí sửa chữa, bảo trì	37,942,664,684	24,269,615,250
Chi phí khác	3,434,967,603	1,511,391,147
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91,417,920,654</b>	<b>50,333,508,544</b>

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## 7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC:

### QUÝ 4/2018

	Số đầu kỳ	Số phải thu/ nộp trong kỳ	Số đã thu/ nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>a.Các khoản phải thu</b>				
Thuế GTGT nhập khẩu	2,932,951,532	38,327,720,196	35,068,033,627	6,192,638,101
Thuế GTGT được khấu trừ	8,656,874		8,656,874	-
Thuế XNK	5,320,785	1,214,274,283	1,035,940,699	183,654,369
Thuế khác	1,000,000		1,000,000	-
<b>TỔNG</b>	<b>2,947,929,191</b>	<b>39,541,994,479</b>	<b>36,113,631,200</b>	<b>6,376,292,470</b>
<b>b.Các khoản phải nộp</b>				
Thuế GTGT	29,105,882,445	86,202,533,767	79,401,072,003	35,907,344,209
Thuế TNDN	84,900,391,030	63,836,253,213	55,277,334,792	93,459,309,451
Thuế TNCN	1,589,956,010	6,666,381,014	5,037,987,751	3,218,349,273
Thuế khác	4,596,427,271		4,244,053	4,592,183,218
<b>TỔNG</b>	<b>120,192,656,756</b>	<b>156,705,167,994</b>	<b>139,720,638,599</b>	<b>137,177,186,151</b>

### NĂM 2018

	Số đầu năm	Số phải thu/ nộp năm 2018	Số đã thu/ nộp năm 2018	Số cuối năm
<b>a.Các khoản phải thu</b>				
Thuế GTGT nhập khẩu	5,040,800,081	125,167,559,828	124,015,721,808	6,192,638,101
Thuế GTGT được khấu trừ	20,455,201	651,137,557	671,592,758	-
Thuế XNK	46,573,388	4,515,508,123	4,378,427,142	183,654,369
Thuế khác	2,500,000	2,000,000	4,500,000	-
<b>TỔNG</b>	<b>5,110,328,670</b>	<b>130,336,205,508</b>	<b>129,070,241,708</b>	<b>6,376,292,470</b>
<b>b.Các khoản phải nộp</b>				
Thuế GTGT	24,264,332,943	289,188,401,136	277,545,389,870	35,907,344,209
Thuế TNDN	86,605,166,561	233,853,540,843	226,999,397,953	93,459,309,451
Thuế TNCN	917,431,555	40,644,208,249	38,343,290,531	3,218,349,273
Thuế khác	4,596,427,271	267,908,775	272,152,828	4,592,183,218
<b>TỔNG</b>	<b>116,383,358,330</b>	<b>563,954,059,003</b>	<b>543,160,231,182</b>	<b>137,177,186,151</b>

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**  
**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

PHÂN LOẠI	NHÀ CỬA	MÁY MÓC	PT VẬN TẢI	TB QUẢN LÝ	TỔNG
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Đầu kỳ	135,768,102,826	188,951,888,481	23,459,146,196	43,245,998,368	<b>391,425,135,871</b>
Tăng trong kỳ	3,408,685,300	27,028,268,198	6,833,350,000	13,029,204,841	<b>50,299,508,339</b>
Giảm trong kỳ	344,562,902	180,937,494,760	2,349,473,745	12,386,447,265	<b>196,017,978,672</b>
Cuối kỳ	138,832,225,224	35,042,661,919	27,943,022,451	43,888,755,944	<b>245,706,665,538</b>
Trong đó:					
Giá trị đã khấu hao hết	523,216,400	14,017,000,048	1,852,235,826	9,542,462,802	<b>25,934,915,076</b>
<b>HAO MÒN</b>					
Đầu kỳ	31,462,829,253	116,599,727,522	8,044,030,482	32,114,264,161	<b>188,220,851,418</b>
Tăng trong kỳ	5,983,948,505	12,467,317,339	3,076,946,634	4,011,210,579	<b>25,539,423,057</b>
Giảm trong kỳ	-	105,524,279,685	1,073,708,736	3,830,738,984	<b>110,428,727,405</b>
Cuối kỳ	37,446,777,758	23,542,765,176	10,047,268,380	32,294,735,756	<b>103,331,547,070</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Đầu kỳ	104,305,273,573	72,352,160,959	15,415,115,714	11,131,734,207	<b>203,204,284,453</b>
Cuối kỳ	101,385,447,466	11,499,896,743	17,895,754,071	11,594,020,188	<b>142,375,118,468</b>

Nhà cửa, máy móc thiết bị được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 10).



# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

PHÂN LOẠI	QUYỀN SỬ ĐẤT	NHÃN HIỆU	PHẦN MỀM	TỔNG
<b>I. NGUYÊN GIÁ</b>				
1. Đầu kỳ	279,662,657,290	96,000,000	6,982,250,583	<b>286,740,907,873</b>
2. Tăng trong kỳ	179,514,500,000	-	33,682,000,000	<b>213,196,500,000</b>
3. Giảm trong kỳ				-
4. Cuối kỳ	459,177,157,290	96,000,000	40,664,250,583	<b>499,937,407,873</b>
Trong đó,				
Tài sản đã khấu hao hết		96,000,000	156,034,613	<b>252,034,613</b>
<b>II. HAO MÒN</b>				
1. Đầu kỳ	-	96,000,000	5,149,459,783	<b>5,245,459,783</b>
2. Tăng trong kỳ	-	-	1,365,243,192	<b>1,365,243,192</b>
3. Giảm trong kỳ			-	-
4. Cuối kỳ	-	96,000,000	6,514,702,975	<b>6,610,702,975</b>
<b>III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
1. Đầu kỳ	279,662,657,290	-	1,832,790,800	<b>281,495,448,090</b>
2. Cuối kỳ	459,177,157,290	-	34,149,547,608	<b>493,326,704,898</b>

## 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Shop House Vincom -Thanh Hóa	9,468,078,966	9,468,078,966
Dự án hoạch định nguồn lực ERP	56,023,422,424	-
Xây dựng cơ bản khác	2,492,288,600	197,000,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67,983,789,990</b>	<b>9,665,078,966</b>

## 10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>a.Ngắn hạn</b>		
Vay từ Ngân hàng thương mại	1,423,473,895,742	636,302,797,462
Huy động vốn cá nhân	143,308,602,284	217,276,052,738
Vay dài hạn đến hạn trả	3,700,000,000	3,700,000,000
<b>TỔNG</b>	<b>1,570,482,498,026</b>	<b>857,278,850,200</b>
<b>b.Dài hạn</b>		
Vay từ Ngân hàng thương mại	7,400,000,000	11,100,000,000
Vay cá nhân	400,000,000	35,134,864,000
<b>TỔNG</b>	<b>7,800,000,000</b>	<b>46,234,864,000</b>

## Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại với lãi suất thả nổi để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của công ty được trình bày như sau:

NGÂN HÀNG	SỐ TIỀN	NGÀY ĐÁO HẠN	LÃI SUẤT	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
<b>VAY NGẮN HẠN VNĐ</b>	<b>1,423,473,895,742</b>			
Ngân hàng TNHH CTBC - TP.HCM	86,519,590,000	Từ ngày 14 tháng 01 đến ngày 12 tháng 04 năm 2019	Từ 5.3% đến 7.0%	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Công Thương	463,805,280,193	Từ ngày 10 tháng 01 đến ngày 22 tháng 05 năm 2019	Từ 5.9% đến 6.0%	Hàng tồn kho
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	29,000,000,000	Ngày 28 tháng 03 năm 2019	6.0%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VCB	324,383,851,657	Từ ngày 04 tháng 03 đến ngày 27 tháng 05 năm 2019	6.2%	Nhà 46 Ngô Quyền, Nhà 359 Phan Chu Trinh, 461 Phan Chu Trinh-Tam Kỳ
Ngân hàng BIDV CN Hóc Môn	134,955,725,869	Từ ngày 17 tháng 01 đến ngày 08 tháng 03 năm 2019	Từ 4.95% đến 6.5%	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Quân Đội	72,711,731,023	Từ ngày 12 tháng 01 đến ngày 17 tháng 04 năm 2019	Từ 5.4% đến 6.0%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	198,496,310,000	Từ ngày 03 tháng 01 đến ngày 28 tháng 03 năm 2019	Từ 5.5% đến 6.5%	Nhà 123 Hùng Vương, Đà Nẵng và hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	113,601,407,000	Từ ngày 24 tháng 03 đến ngày 28 tháng 03 năm 2019	7.0%	Tín chấp
<b>HUY ĐỘNG VỐN</b>	<b>143,308,602,284</b>		7.6%	Tín chấp
<b>VAY DÀI HẠN ĐẾN HẠN TRẢ</b>	<b>3,700,000,000</b>			
<b>VAY NGẮN HẠN</b>	<b>1,570,482,498,026</b>			

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

NGÂN HÀNG	SỐ TIỀN	NGÀY ĐÁO HẠN	LÃI SUẤT	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
<b>VAY DÀI HẠN VNĐ</b>	<b>11,100,000,000</b>			
Ngân hàng NN&PTNT - CN4	11,100,000,000	Ngày 22 tháng 01 năm 2021	8.3%	Nhà PG1-05 Vincom Cần Thơ
<b>TRONG ĐÓ : ĐẾN HẠN TRẢ</b>	<b>3,700,000,000</b>			
Ngân hàng NN&PTNT - CN4	3,700,000,000			
<b>HUY ĐỘNG VỐN</b>	<b>400,000,000</b>		7.6%	Tín chấp
<b>VAY DÀI HẠN</b>	<b>7,800,000,000</b>			

## 10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Forte Jewellery (HK)	21,895,648,204	65,477,465,822
Công ty Liên Nguyễn	93,481,820	40,143,266,820
Công ty Quang Vinh Nguyễn	4,441,946,777	39,082,098,777
Công ty Shrenuj Fareast	91,976,806,469	27,539,371,113
Công ty PNJP	139,825,502,712	-
Các khách hàng khác	154,522,506,391	107,077,204,073
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>412,755,892,373</b>	<b>279,319,406,605</b>

## 11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGÂN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>a.Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	6,042,948,273	1,148,661,431
Thưởng HĐQT VÀ Ban Giám Đốc	9,792,723,602	12,200,000,000
Quỹ hoạt động HĐQT	119,439,568	3,208,939,568
Quỹ hoạt động Ban Giám Đốc	1,105,901,517	1,198,901,517
Quỹ Công đoàn	3,742,056,787	6,062,859,444
Thuế TNCN nộp thay cho cổ đông	4,531,133,392	4,531,133,392
Cổ tức phải trả	4,744,192,345	2,876,064,645
DNTN Tuấn Ngân	1,078,543,571	10,281,582,283
Công ty PNJL	317,216,438	-
Phải trả khác	10,055,543,289	10,339,296,999
<b>TỔNG</b>	<b>41,529,698,782</b>	<b>51,847,439,279</b>

UYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	982,745,770,000		(7,090,000)	144,087,556,918	372,005,127,004	1,498,831,363,922
Tăng vốn điều lệ	98,274,570,000	876,761,282,458	-	-	-	975,035,852,458
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	802,497,671,622	802,497,671,622
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(186,720,419,400)	(186,720,419,400)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	76,000,000,000	(139,950,000,000)	(63,950,000,000)
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	76,000,000,000	(76,000,000,000)	-
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	(45,000,000,000)	(45,000,000,000)
<i>Trích quỹ hoạt động của HĐQT</i>	-	-	-	-	(6,750,000,000)	(6,750,000,000)
<i>Trích quỹ hoạt động của BGD</i>	-	-	-	-	(12,200,000,000)	(12,200,000,000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1,081,020,340,000</b>	<b>876,761,282,458</b>	<b>(7,090,000)</b>	<b>220,087,556,918</b>	<b>847,832,379,226</b>	<b>3,025,694,468,602</b>
Tăng vốn điều lệ (*)	540,372,900,000				(540,372,900,000)	
Phát hành ESOP (**)	48,636,580,000	48,636,580,000				97,273,160,000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	941,240,908,760	941,240,908,760
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	-	(270,239,940,000)	(270,239,940,000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	45,000,000,000	(115,062,000,000)	(70,062,000,000)
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	45,000,000,000	(45,000,000,000)	-
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	(36,240,000,000)	(36,240,000,000)
<i>Thường HĐQT và BGD</i>	-	-	-	-	(33,822,000,000)	(33,822,000,000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>1,670,029,820,000</b>	<b>925,397,862,458</b>	<b>(7,090,000)</b>	<b>265,087,556,918</b>	<b>863,398,447,986</b>	<b>3,723,906,597,362</b>

(\*) Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 21/04/2018

(\*\*) Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 21/04/2018

(\*\*\*) Ngày 12 tháng 01 năm 2018, PNJ đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền mặt (8%/ cổ phiếu)

(\*\*\*\*) Ngày 01 tháng 06 năm 2018, PNJ đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 3 năm 2017 bằng tiền mặt (2%/ cổ phiếu)

(\*\*\*\*\*) Ngày 24 tháng 08 năm 2018, PNJ đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 1 năm 2018 bằng tiền mặt (10%/ cổ phiếu)

## Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 14. DOANH THU

#### 14.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<b>Quý 4 Năm 2018</b>	<b>Quý 4 Năm 2017</b>
Doanh thu, trong đó	3,419,406,345,668	3,228,388,605,728
_Doanh thu bán hàng	3,409,080,525,809	3,220,566,116,362
_Doanh thu hàng hóa khác	6,756,142,826	5,701,109,856
_Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,569,677,033	2,121,379,510
Hàng bán bị trả lại	32,112,667,000	25,126,709,897
<b>Doanh thu thuần, trong đó</b>	<b>3,387,293,678,668</b>	<b>3,203,261,895,831</b>
_Doanh thu bán hàng	3,376,967,858,809	3,195,439,406,465
_Doanh thu hàng hóa khác	6,756,142,826	5,701,109,856
_Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,569,677,033	2,121,379,510

#### 14.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<b>Quý 4 Năm 2018</b>	<b>Quý 4 Năm 2017</b>
Lãi tiền gửi tại ngân hàng	55,438,088	2,328,306,995
Cổ tức nhận được	8,000,000,000	3,000,000,000
Chênh lệch tỷ giá	415,774,885	974,274,669
<b>Tổng</b>	<b>8,471,212,973</b>	<b>6,302,581,664</b>

### 15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<b>Quý 4 Năm 2018</b>	<b>Quý 4 Năm 2017</b>
Giá vốn bán hàng	2,617,264,651,827	2,646,391,232,998
Giá vốn hàng hóa khác	4,835,512,933	4,019,417,053
<b>Tổng</b>	<b>2,622,100,164,760</b>	<b>2,650,410,650,051</b>

### 16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<b>Quý 4 Năm 2018</b>	<b>Quý 4 Năm 2017</b>
Chi phí lãi vay	21,325,999,919	9,730,755,648
Chi phí tài chính khác	72,211,398	78,924,630
Lỗ chênh lệch tỷ giá	33,806,482	6,188,487
<b>Tổng</b>	<b>21,432,017,799</b>	<b>9,815,868,765</b>

## Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 17. CHI PHÍ QUẢN LÝ, CHI PHÍ BÁN HÀNG THEO YẾU TỐ

	<b>Quý 4 Năm 2018</b>	<b>Quý 4 Năm 2017</b>
Chi phí lương, trích theo lương	241,322,544,436	143,459,255,110
Chi phí vật liệu, bao bì	6,702,220,637	7,456,970,223
Chi phí công cụ, dụng cụ	23,320,873,836	15,167,832,883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,207,522,624	4,338,338,112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65,751,741,675	47,679,512,056
Chi phí bằng tiền khác	89,030,392,664	56,146,691,210
	<b>430,335,295,872</b>	<b>274,248,599,594</b>

### 18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20%

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 18.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

	<b>Quý 4 Năm 2018</b>	<b>Quý 4 Năm 2017</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>323,465,688,795</b>	<b>275,353,169,877</b>
<i>Các khoản điều chỉnh :</i>		-
<i>_ Chi phí và các khoản không được khấu trừ</i>	2,091,979,919	2,556,971,663
<i>_ Chênh lệch tạm thời tính thuế</i>	1,623,597,351	(2,420,322,750)
<i>_ Cổ tức nhận được</i>	(8,000,000,000)	(3,000,000,000)
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>319,181,266,065</b>	<b>272,489,818,790</b>
Thuế suất áp dụng	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>63,836,253,213</b>	<b>54,497,963,758</b>

## Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 18.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<b>Ngày 31/12/2018</b>	<b>Ngày 31/12/2017</b>
Tạm tính chi phí phải trả	10,106,931,424	4,629,018,185
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc	3,430,996,000	7,076,317,000
Chi phí sửa chữa trả trước	280,767,046	489,761,934
Dự phòng đầu tư vào EAB	395,271,613,400	395,271,613,400
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>409,090,307,870</b>	<b>407,466,710,519</b>
Thuế suất áp dụng	20%	20%
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>81,818,061,574</b>	<b>81,493,342,104</b>

### 19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<b>Nội dung</b>	<b>Mua vào Quý 4/2018</b>	<b>Bán ra Quý 4/2018</b>
<b>1. Công ty CAO</b>		
_Bán hàng hóa		8,024,013,775
_Mua hàng hóa	1,063,813,200	
<b>2. Công ty PNJL</b>		
_Bán hàng hóa		
_Dịch vụ kiểm định	1,084,629,545	
<b>3. Công ty PNJP</b>		
_Bán hàng hóa		13,122,804,789
_Dịch vụ cho thuê mặt bằng		1,410,000,000
_Mua hàng hóa	73,166,400,237	
_Dịch vụ gia công	70,800,645,492	

## Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Vào ngày 31/12/2018, các khoản phải thu và phải trả giữa PNJ và các công ty con như sau :

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phải thu</i>
			<i>(Phải trả)</i>
<b>1. PHẢI THU</b>			<b>12,266,088,969</b>
<b>Phải thu bán hàng</b>			<b>6,126,088,969</b>
Công ty PNJL	Công ty con	<i>Trả trước tiền dịch vụ</i>	473,963,176
Công ty CAO	Công ty con	<i>Bán hàng hóa</i>	5,652,125,793
<b>Các khoản phải thu khác</b>			<b>6,140,000,000</b>
Công ty CECL	Công ty con		6,140,000,000
<b>2. PHẢI TRẢ</b>			<b>(161,924,201,860)</b>
<b>Phải trả mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ</b>			<b>(149,606,985,422)</b>
Công ty CECL	Công ty con	<i>Thu trước tiền hàng</i>	(188,534,000)
Công ty PNJP	Công ty con	<i>Thu trước tiền hàng</i>	(9,592,948,710)
Công ty PNJP	Công ty con	<i>Doanh thu gia công</i>	(139,825,502,712)
<b>Các khoản phải trả khác</b>			<b>(12,317,216,438)</b>
Công ty TNHH MTV Giám định PNJ	Công ty con	<i>Huy động vốn</i>	(12,000,000,000)
		<i>Lãi huy động vốn</i>	(317,216,438)

### 20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Quý 4 Năm 2018</i>	<i>Quý 4 Năm 2017</i>
Trong năm tiếp theo	122,608,861,472	77,845,676,728
Từ 1 đến 5 năm	326,424,289,161	235,996,302,498
Trên 5 năm	193,339,720,890	69,137,458,984
	<b>642,372,871,523</b>	<b>382,979,438,210</b>

### 21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.



# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## **Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.**

Ban Điều Hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2018

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay, tiền gửi với lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### *Độ nhạy đối với lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

### *Độ nhạy đối với ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ cho kỳ kế toán quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018 vì rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

PNJ đã dự phòng 100% khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân Hàng TMCP Đông Á là 395.271.613.400 VNĐ

## *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

## *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

## *Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty. Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Phần lớn doanh thu của Công ty là doanh thu bằng tiền mặt, nên không có rủi ro tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

## *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

## *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## *Tài sản đảm bảo*

Công ty đã sử dụng tài sản cố định, hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 10*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2018

## Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Đầu tư tài chính dài hạn	395,271,613,400	(395,271,613,400)	395,271,613,400	(395,271,613,400)	-	-
Phải thu khách hàng	46,032,057,036		39,449,827,772		46,032,057,036	39,449,827,772
Phải thu các bên liên quan	12,266,088,969		20,480,971,669		12,266,088,969	20,480,971,669
Các khoản phải thu khác	32,824,658,994		10,817,498,451		32,824,658,994	10,817,498,451
Tiền và tương đương tiền	150,227,254,450		167,814,376,098		150,227,254,450	167,814,376,098
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>636,621,672,849</b>	<b>(395,271,613,400)</b>	<b>633,834,287,390</b>	<b>(395,271,613,400)</b>	<b>241,350,059,449</b>	<b>238,562,673,990</b>
Nợ phải trả tài chính	Ngày 31 tháng 12 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Vay	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Vay	1,566,282,498,026		892,513,714,200		1,566,282,498,026	892,513,714,200
Phải trả người bán	263,148,906,951		293,224,925,923		263,148,906,951	293,224,925,923
Phải trả các bên liên quan	161,924,201,860		12,064,904,430		161,924,201,860	12,064,904,430
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	51,319,413,768		56,144,237,865		51,319,413,768	56,144,237,865
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2,042,675,020,605</b>		<b>1,253,947,782,418</b>		<b>2,042,675,020,605</b>	<b>1,253,947,782,418</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Điều Hành đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**23. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG KỲ**

Quý 4/2018 kết quả kinh doanh của PNJ như sau :

Lợi nhuận trước thuế đạt 323,4 tỷ đồng tăng 17% so với cùng kỳ. Nguyên nhân :

Từ quý 3/2018, mảng kinh doanh sỷ tại TP.HCM, kinh doanh xuất khẩu và khách hàng doanh nghiệp đã được tách chuyển, ghi nhận tại công ty con PNJP. Mặc dù vậy, trong quý 4/2018 PNJ vẫn đạt doanh số 3.419 tỷ đồng tăng 6% so với cùng kỳ, tính riêng mảng kinh doanh trang sức vàng lẻ thì doanh số đạt 2.084 tỷ đồng tăng 20% so với cùng kỳ; tăng 12% so với quý 3/2018


Tỷ lệ lãi gộp đạt 22,4% so với quý 4/2017 là 17,0% do tỷ trọng doanh thu bán lẻ trang sức vàng tăng.


Chi phí hoạt động kinh doanh thực hiện 430 tỷ đồng, tăng 57% so với cùng kỳ do tăng chi phí phát triển hệ thống bán lẻ



Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2018:

Doanh thu thuần đạt 13.412 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2017

Lợi nhuận trước thuế đạt 1.174 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2017

  
Nguyễn Thành Đạt  
Người lập

  
Dương Quang Hải  
Kế toán trưởng

  
  
Lê Trí Thông  
Tổng Giám Đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2019